

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 209/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Người yêu cầu: Anh Trần Đức T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 07 kiệt 299 đường B, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người yêu cầu: Chị Đinh Thị Kiều T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 07 kiệt 299 đường B, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức T và chị Đinh Thị Kiều T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trần Đức T và chị Đinh Thị Kiều T có 02 con chung là cháu Trần Đức Anh K, sinh ngày 03/7/2013 và cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 25/5/2016. Hiện nay cháu Trần Đức Anh K đang sống với anh Trần Đức T, còn cháu Trần Ngọc Gia H đang sống với chị Đinh Thị Kiều T. Nay thuận tình ly hôn anh Trần Đức T và chị Đinh Thị Kiều T thỏa thuận như sau: Giao cháu Trần Đức Anh K, sinh ngày 03/7/2013 cho anh Trần Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 25/5/2016 cho chị Đinh Thị Kiều T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Đức T và chị Đinh Thị Kiều T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Đức T và chị Đinh Thị Kiều T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí lý hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Trần Đức T và chị Đinh Thị Kiều T đã nộp theo biên lai thu số 004795 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trần Đức T và chị Đinh Thị Kiều T đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường P, thành phố Huế (Anh Trần Đức T và chị Đinh Thị Kiều T ĐKKH ngày 22/4/2013);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn

